

Bản án số: 282/2024/DS-ST
Ngày 10 - 9 - 2024
V/v tranh chấp hui, vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐOI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Việt Hưng

Ông Trần Chí Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 555/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2024 về việc tranh chấp hui và vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 357/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Diệu K, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Ấp TT, xã NH, huyện DD, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Ấp TA B, xã TAKĐ, huyện DD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Bị đơn:

1. Anh Huỳnh Đức T, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Ấp BS, xã TD, huyện DD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Chị Lê Diệu H1, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Ấp BS, xã TD, huyện DD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Nguyễn Văn H trình bày: Trước đây, chị K làm chủ hui, anh T và chị H1 có tham gia chơi trong các dây hui, cụ thể:

Dây hui thứ nhất: Loại hui 500.000đ, mở ngày 15/7/2021 âl, mỗi tháng khai 02 lần, dây hui gồm 82 phần, vợ chồng anh T tham gia 03 phần. Quá trình chơi

hụi, vợ chồng anh T đóng được dài tháng thì hết hụi. Sau khi hết hụi, vợ chồng anh T đóng hụi đến ngày 15/01/2024 thì ngưng đóng. Số tiền vợ chồng anh T nợ chị K là $(17 \text{ kỳ} \times 500.000\text{đ}) \times 03 = 25.500.000\text{đ}$.

Dây hụi thứ hai: Loại hụi 500.000đ, mở ngày 01/01/2022 âl, mỗi tháng khui 02 lần, dây hụi gồm 70 phần, vợ chồng anh T tham gia 02 phần. Quá trình chơi hụi, vợ chồng anh T đóng được dài tháng thì hết hụi. Sau khi hết hụi, vợ chồng anh T đóng hụi đến ngày 15/01/2024 thì ngưng đóng. Số tiền vợ chồng anh T nợ chị K là $(19 \text{ kỳ} \times 500.000\text{đ}) \times 02 = 19.000.000\text{đ}$.

Dây hụi thứ ba: Loại hụi 1.000.000đ, mở ngày 01/5/2023 âl, mỗi tháng khui 02 lần, dây hụi gồm 68 phần, vợ chồng anh T tham gia 03 phần. Quá trình chơi hụi, vợ chồng anh T đóng được dài tháng thì hết hụi. Sau khi hết hụi, vợ chồng anh T đóng hụi đến ngày 15/01/2024 thì ngưng đóng. Số tiền vợ chồng anh T nợ chị K là $(25 \text{ kỳ} \times 1.000.000\text{đ}) \times 03 = 75.000.000\text{đ}$.

Dây hụi thứ tư: Loại hụi 1.000.000đ, mở ngày 01/02/2023 âl, mỗi tháng khui 02 lần, dây hụi gồm 54 phần, vợ chồng anh Thái tham gia 01 phần. Quá trình chơi hụi, vợ chồng anh Thái đóng được dài tháng thì hết hụi. Sau khi hết hụi, vợ chồng anh Thái đóng hụi đến ngày 15/01/2024 thì ngưng đóng. Số tiền vợ chồng anh Thái nợ chị Kiều là $29 \text{ kỳ} \times 1.000.000\text{đ} = 29.000.000\text{đ}$.

Dây hụi thứ năm: Loại hụi 1.000.000đ, mở ngày 15/6/2023 âl, mỗi tháng khui 02 lần, dây hụi gồm 59 phần, vợ chồng anh T tham gia 01 phần. Quá trình chơi hụi, vợ chồng anh T đóng được dài tháng thì hết hụi. Sau khi hết hụi, vợ chồng anh T đóng hụi đến ngày 15/01/2024 thì ngưng đóng. Số tiền vợ chồng anh T nợ chị K là $44 \text{ kỳ} \times 1.000.000\text{đ} = 44.000.000\text{đ}$.

Dây hụi thứ sáu: Loại hụi 1.000.000đ, mở ngày 15/11/2023 âl, mỗi tháng khui 02 lần, dây hụi gồm 60 phần, vợ chồng anh T tham gia 01 phần. Quá trình chơi hụi, vợ chồng anh T đóng được dài tháng thì hết hụi. Sau khi hết hụi, vợ chồng anh T đóng hụi đến ngày 15/01/2024 thì ngưng đóng. Số tiền vợ chồng anh T nợ chị K là $55 \text{ kỳ} \times 1.000.000\text{đ} = 55.000.000\text{đ}$.

Tổng số tiền hụi vợ chồng anh T nợ chị K là 247.500.000đ.

Vào khoảng tháng 01/2023 đến ngày 15/01/2024, vợ chồng anh T nhiều lần vay tiền của chị K với tổng số tiền là 70.000.000đ, lãi suất 3%/tháng, khi vay có làm biên nhận, thời hạn vay là khi nào chị K cần tiền thì thông báo cho vợ chồng anh T trước khoảng 01 tháng. Vợ chồng anh T có đóng lãi đến tháng 01/2024 thì ngưng.

Nay chị K yêu cầu anh T và chị H1 trả số tiền nợ hụi 247.500.000đ và tiền vay 70.000.000đ, tổng cộng 317.500.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Đối với anh Huỳnh Đức T, chị Lê Diệu H1n đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh chị không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của chị K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Diệu K khởi kiện yêu cầu anh Phạm Đức T, chị Lê Diệu H1 trả tiền nợ hui, tiền vay là vụ kiện tranh chấp hui và vay tài sản, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh T, chị H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện về số tiền hui, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc các đương sự có tham gia chơi hui và anh T, chị H1 còn nợ tiền hui chị K số tiền 247.500.000đ là thực tế có xảy ra. Xét thấy: Chị K là chủ hui với vai trò bảo lãnh cho các hui viên tham gia chơi hui, còn anh T, chị H1 là hui viên. Trong quá trình chơi hui, nếu có hui viên hốt hui xong mà không thực hiện nghĩa vụ đóng hui thì với vai trò là chủ hui chị K phải đóng hui thay cho hui viên đó. Như vậy, trong quá trình chơi hui anh T, chị H1 sau khi hốt hui không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng hui cho chị K. Với vai trò là chủ hui, chị K phải thực hiện nghĩa vụ đóng hui thay của anh T, chị H1 đối với các hui viên khác. Do đó, yêu cầu khởi kiện của chị K là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện về số tiền vay, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện anh T, chị H1 có vay của chị K số tiền 70.000.000đ. Từ khi vay đến nay anh T, chị H1 không trả cho chị K khoản tiền nào. Nay chị K yêu cầu anh T và chị H1 trả số tiền 70.000.000đ, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy: Yêu cầu khởi kiện của chị K là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Xét về nghĩa vụ trả tiền, Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh T, chị H1 đã biết được nội dung, yêu cầu khởi kiện của chị K nhưng anh, chị không có ý kiến, không đưa ra chứng cứ chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để xét xử là phù hợp với khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Mặt khác, khi anh T, chị H1 tham gia chơi hui, cũng như vay tiền thì anh T, chị H1 đang chung sống cuộc sống vợ chồng và hiện nay anh chị vẫn còn tồn tại mối quan hệ hôn nhân. Do đó, khoản nợ của chị K là khoản nợ chung của anh chị

được phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Như vậy, anh T và chị H1 phải cùng có nghĩa vụ trả tiền cho chị K là phù hợp.

[6] Xét về án phí dân sự: Anh T và chị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 5; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471; Điều 463; khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Diệu K.

1. Buộc anh Huỳnh Đức T và chị Lê Diệu H1 phải có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Diệu K số tiền 317.500.000 đồng (ba trăm mười bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

2. Kể từ ngày chị Phạm Diệu K có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền nêu trên, nếu anh Huỳnh Đức T và chị Lê Diệu H1 chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng anh T, chị H1 còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự:

3.1. Chị Phạm Diệu K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho chị K 3.962.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0001679 ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

3.2. Anh Huỳnh Đức T và chị Lê Diệu H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 15.875.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh